

# Bản tin chứng khoán

## Trong số này

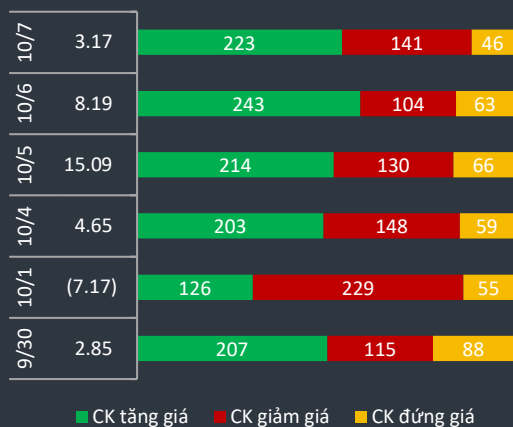
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

## Độ rộng thị trường



## Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

|          |          |       |
|----------|----------|-------|
| VRE      |          | 37.38 |
| DHC      |          | 35.26 |
| KBC      |          | 27.61 |
| POW      |          | 26.68 |
| VCI      |          | 17.98 |
| PVT      |          | 15.18 |
| SSI      | (25.07)  |       |
| GMD      | (25.15)  |       |
| FUEVFVND | (26.52)  |       |
| VIC      | (33.55)  |       |
| NLG      | (35.56)  |       |
| CTG      | (54.59)  |       |
| SBT      | (120.25) |       |
| K25.89)  |          |       |

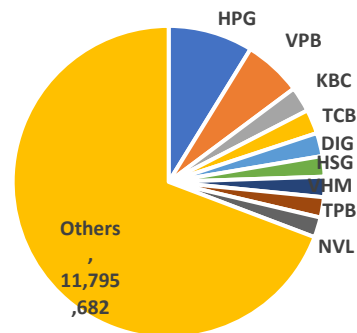
Thị trường tiếp tục duy trì đà tăng điểm hôm nay dù phiên sáng có hơi dao động một chút. Mức xanh không đáng kể chỉ xoay quanh 2-3 điểm và thanh khoản cũng tầm 19 ngàn tỷ trên sàn HOSE – bằng với phiên hôm qua. Thị trường cũng giữ mức trung tính với số mã xanh và giảm gần như tương đương nhau. Phiên sáng nhóm cổ phiếu ngân hàng đóng vai trò dẫn dắt, tuy nhiên càng về cuối phiên nhiều mã lại đuối dần và mất điểm. Chỉ còn 1 số mã tăng mạnh trong ngày sau khi phát hành không hưởng quyền hôm nay như MSB, VPB. Cả hai đều tăng hơn 4%. Một số bank nhỏ cũng tăng khá trong ngày như SSB, KLB, BVB. Phía nhóm giảm cũng khoảng hơn 10 trong đó có nhiều bank lớn như LPB, VIB, TPB, TCB, HDB, BID. OCB trong ngày giữ mức xanh nhẹ lên 23.6 tương ứng 0.4%. Thanh khoản của OCB trong ngày tiếp tục khá thấp chỉ khoảng 1.8 triệu cổ phiếu chuyển nhượng.

Nhóm ngân hàng nổi bật nhất trong ngày với khá nhiều cổ phiếu nổi sừng như TIG, NBB, HDC, AGG, DXG đều tăng trên 4% đến mức giá trần. Nhóm cổ phiếu khu công nghiệp cũng khởi sắc hàng loạt ở SZC tăng trần, KBC, TIP, ITA, LHG, D2D đều tăng trên 3%. Sau giai đoạn ngừng trệ sản xuất từ dịch bệnh thì các doanh nghiệp FDI vẫn duy trì dòng vốn tại VN. Tính đến cuối tháng 9, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt 22,15 tỷ USD, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm 2020. Tổng trị giá xuất khẩu của doanh nghiệp FDI trong 9 tháng/2021 đạt 177,8 tỷ USD, tăng 22,8%, chiếm 73,9% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Làn sóng bất động sản KCN dự báo còn tiếp tục sôi động trong thời gian tới.

Nhóm cổ phiếu bán lẻ có phần chững lại ở MWG, DGW tuy nhiên FRT, PET lại tăng tốt trong ngày. Một số chuỗi lớn bán lẻ thuộc MWG, FRT đã khởi động lại việc mở cửa hoàn toàn trong thời gian tới. Nếu như MWG có chuỗi Bách hóa xanh hưởng lợi đợt dịch vừa qua thì FRT có chuỗi Long Châu tăng trưởng mạnh. Chuỗi Long Châu tiếp tục bám sát kế hoạch đã trình bày trong Đại hội cổ đông năm 2021 với mục tiêu mở thêm 150 cửa hàng mỗi năm. Doanh thu Long Châu dự kiến đóng góp khoảng 15 - 20% vào tổng doanh thu hợp nhất và kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tương tự như trong quý 3/2021.

Vnindex 1,365.99

▲ +03.17 (+0.23%)



## Biến động Big Cap

| CP  | Giá   | +/-     | %      |
|-----|-------|---------|--------|
| VPB | 35.7  | 1,450   | 4.24   |
| SSI | 40.7  | 750     | 1.88   |
| BVH | 61.9  | 900     | 1.48   |
| BCM | 45.0  | 600     | 1.35   |
| PDR | 85.4  | 1,100   | 1.30   |
| VCB | 96.8  | 1,200   | 1.26   |
| GVR | 38.2  | 350     | 0.92   |
| MBB | 27.7  | 150     | 0.55   |
| DHG | 99.9  | 300     | 0.30   |
| VIC | 88.8  | 200     | 0.23   |
| PLX | 54.0  | 100     | 0.19   |
| HVN | 26.0  | 50      | 0.19   |
| CTG | 29.4  | 50      | 0.17   |
| SAB | 158.6 | 200     | 0.13   |
| STB | 25.5  | -       | -      |
| FPT | 94.3  | (100)   | (0.11) |
| MWG | 128.0 | (300)   | (0.23) |
| VRE | 29.3  | (100)   | (0.34) |
| MSN | 141.7 | (500)   | (0.35) |
| VIB | 34.4  | (150)   | (0.43) |
| VJC | 128.8 | (600)   | (0.46) |
| ACB | 31.2  | (150)   | (0.48) |
| VNM | 88.8  | (500)   | (0.56) |
| TCB | 50.0  | (300)   | (0.60) |
| VHM | 80.0  | (500)   | (0.62) |
| HDB | 24.1  | (150)   | (0.62) |
| BID | 39.2  | (250)   | (0.63) |
| REE | 71.3  | (500)   | (0.70) |
| TPB | 42.0  | (300)   | (0.71) |
| NVL | 104.1 | (900)   | (0.86) |
| HPG | 55.6  | (500)   | (0.89) |
| PNJ | 97.0  | (1,100) | (1.12) |
| POW | 12.7  | (200)   | (1.56) |
| GAS | 111.0 | (2,500) | (2.20) |

Phiên giao dịch hôm nay cũng xuất hiện nhiều cổ phiếu có tín hiệu khởi sắc ở nhóm bán lẻ như PET, dệt may như TNG, STK. Dòng tiền không gia tăng nhiều nhưng lan tỏa sang nhiều cổ phiếu đã đi ngang nhiều trong thời gian qua. Chỉ số Vnindex như vậy đã có 4 phiên tăng điểm liên tiếp trong tuần này và hướng đến ngưỡng kháng cự cũ 1370. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu và tăng cường đảo danh mục hướng mục tiêu và nhóm cổ phiếu có lợi nhuận khả quan Q3 và cổ phiếu có cơ hội phục hồi mạnh sau khi nền kinh tế khởi động trở lại. Nhóm thép, bán lẻ, phân đạm, BDS KCN, dầu khí tiếp tục nắm giữ và lưu ý thêm nhóm dệt may, chứng khoán. Nhóm cổ phiếu chứng khoán có thể chỉnh lại 1 chút sau khi kết quả Q3 công bố do mảng tự doanh kém khả quan nhưng về dài hạn vẫn khả quan.

**Thép:** HPG, HSG, NKG

**Bán lẻ:** DGW, FRT, PET

**Ngân hàng:** OCB, TPB

**Các ngành khác:** GVR, FPT, SZC, VCI, VND, DPR, BVH, ABI, LCG

| Ticker | Close | % so với tuần trước | Hỗ trợ | Kháng Cự | Vùng Mua                             | Ngày đưa vào DM | Lãi / Lỗ |
|--------|-------|---------------------|--------|----------|--------------------------------------|-----------------|----------|
| TCM    | 64.0  | (1.2)               | 60     | 80       | Mua quanh 62-64. Cắt lỗ nếu dưới 60  | 10/6/2021       | 0.0%     |
| PET    | 29.4  | 9.7                 | 25     | 35       | Mua vào quanh 28, mục tiêu 35        | 10/6/2021       | 5.0%     |
| LCG    | 19.9  | 7.3                 | 15     | 24       | Mua vào quanh 18                     | 9/28/2021       | 10.6%    |
| DPR    | 72.4  | 5.2                 | 57     | 75       | Mua vào quanh 65-67                  | 9/21/2021       | 8.1%     |
| IDC    | 54.8  | 5.4                 | 45     | 65       | Mua vào quanh 50-52                  | 9/21/2021       | 9.6%     |
| REE    | 71.3  | 9.4                 | 50     | 65       | Nắm giữ                              | 7/12/2021       | 39.8%    |
| GVR    | 38.2  | 6.4                 | 28     | 38       | Nắm giữ, mục tiêu 42                 | 7/12/2021       | 29.9%    |
| HCM    | 49.0  | (5.8)               | 44     | 60       | Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 48-50 | 7/12/2021       | 8.9%     |
| VCI    | 60.5  | 1.7                 | 47     | 60       | Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 55-57 | 7/12/2021       | 23.5%    |
| SSI    | 40.7  | 0.1                 | 45     | 70       | Nắm giữ                              | 7/12/2021       | 23.3%    |
| MBB    | 27.7  | (0.7)               | 25     | 35       | Nắm giữ, mục tiêu 32                 | 7/12/2021       | -4.5%    |
| OCB    | 23.6  | (1.3)               | 20     | 30       | Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22        | 7/12/2021       | 2.6%     |
| HPG    | 55.6  | 5.1                 | 44     | 65       | Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 50      | 7/12/2021       | 23.6%    |
| KBC    | 46.0  | 5.7                 | 32     | 45       | Mua quanh 35-37                      | 8/28/2021       | 17.9%    |
| DGW    | 117.0 | (1.4)               | 120    | 170      | Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110   | 3/3/2021        | 134.0%   |

# VGC - Tổng Công ty Viglacera

Price: 35,600

## Báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng



Giá mục tiêu **45,000**  
(+26.4%)

Lợi nhuận 2021F **1300 tỷ**  
EPS forecast 2,900  
PE forecast 12.3  
Ngưỡng hỗ trợ **32,000**  
Ngưỡng kháng cự **42,000**



### Lợi nhuận vượt kế hoạch năm 104%

Tổng công ty Viglacera - CTCP (HoSE: VGC) vừa cập nhật kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm với lợi nhuận hợp nhất toàn tổng công ty đã hoàn thành 104% chỉ tiêu năm, tăng 350 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020.

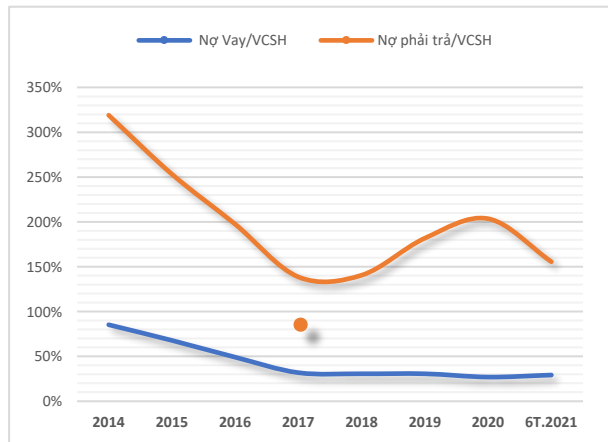
Trong năm 2021, VGC đặt ra kế hoạch doanh thu hợp nhất đạt 12.000 tỷ đồng và mục tiêu lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.000 tỷ đồng.

Trước đó, VGC đã công bố BCTC với lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2021 đạt hơn 786 tỷ đồng.

Chia sẻ từ VGC, quý III vừa qua là quý chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của đại dịch Covid-19 tuy nhiên Tổng công ty vẫn duy trì được các hoạt động sản xuất kinh doanh, sản xuất của các đơn vị đã ổn định. Vừa qua khu công nghiệp Yên Phong 2C của Viglacera cũng đã hoàn thành giải phóng mặt bằng và tiến hành xây dựng cơ sở mặt bằng được 70% diện tích quy hoạch. Mảng BDS KCN hiện chiếm 36% tổng nguồn thu nhưng biên lợi nhuận gộp lên đến gần 40% cao hơn hẳn so với mảng VLXD.

Trước đó trong tháng 9, VGC đã ký hợp đồng với Idico (IDC) về việc nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của IDC tại Công ty TNHH Kinh nổi siêu trắng Phú Mỹ (PFG) (tương đương 30% vốn), nâng tỷ lệ của VGC tại PFG lên 65% vốn.

Với kết quả kinh doanh khả quan, khả năng VGC sẽ phá đỉnh cao nhất năm nay và có thể đạt trên 45,000VND/CP trong năm nay.



| VGC                 | 2014   | 2015   | 2016   | 2017   | 2018   | 2019   | 2020   | 6T.2021 |
|---------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|
| Doanh thu           | 8,009  | 7,820  | 8,139  | 9,197  | 8,812  | 10,146 | 9,433  | 5,301   |
| Lợi nhuận           | 296    | 328    | 514    | 600    | 565    | 759    | 601    | 618     |
| Lợi Nhuận Gộp       | 1,598  | 1,717  | 1,979  | 2,141  | 2,044  | 2,420  | 2,328  | 1,430   |
| Chi phí lãi vay     | (220)  | (161)  | (161)  | (151)  | (173)  | (169)  | (161)  | (70)    |
| KLCP DLH (triệu CP) | 265    | 265    | 307    | 448    | 448    | 448    | 448    | 448     |
| VCSH                | 2,940  | 3,302  | 4,367  | 6,720  | 6,872  | 7,055  | 7,024  | 7,006   |
| Tổng Tài Sản        | 12,317 | 11,663 | 12,989 | 16,034 | 16,533 | 19,888 | 21,323 | 17,951  |
| Book Value          | 11,114 | 12,484 | 14,225 | 14,988 | 15,327 | 15,736 | 15,667 | 15,626  |
| EPS                 | 1,118  | 1,242  | 1,673  | 1,339  | 1,261  | 1,694  | 1,340  | 2,001   |
| LN ròng biên        | 3.7%   | 4.2%   | 6.3%   | 6.5%   | 6.4%   | 7.5%   | 6.4%   | 11.7%   |
| ROE                 | 10.1%  | 9.9%   | 11.8%  | 8.9%   | 8.2%   | 10.8%  | 8.6%   | 12.8%   |
| Vay Ngắn Hạn        | 1,515  | 1,429  | 1,122  | 1,266  | 1,434  | 1,531  | 1,502  | 1,770   |
| Vay Dài Hạn         | 993    | 811    | 1,024  | 877    | 675    | 634    | 396    | 282     |
| Tổng Nợ vay         | 2,508  | 2,240  | 2,146  | 2,143  | 2,109  | 2,164  | 1,898  | 2,051   |
| Nợ Vay/VCSH         | 85.3%  | 67.8%  | 49.1%  | 31.9%  | 30.7%  | 30.7%  | 27.0%  | 29.3%   |

# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

## Top tăng giá HOSE

|     |      |
|-----|------|
| BSI | 5.86 |
| HAH | 5.91 |
| HAR | 5.97 |
| DAH | 6.08 |
| SAM | 6.67 |
| BCG | 6.77 |
| TTF | 6.85 |
| ELC | 6.85 |
| DLG | 6.89 |
| SZC | 6.90 |
| DTA | 6.90 |
| SHA | 6.96 |
| PAN | 6.97 |
| NBB | 6.99 |

## Top tăng giá HNX

|     |       |
|-----|-------|
| VCC | 5.95  |
| BKC | 6.02  |
| TTZ | 6.38  |
| TKC | 6.74  |
| MAC | 7.25  |
| LCS | 7.89  |
| KVC | 8.33  |
| PVL | 8.51  |
| TIG | 8.75  |
| DIH | 9.75  |
| APP | 9.76  |
| FID | 9.80  |
| L18 | 9.95  |
| DID | 10.11 |

**TLH** - CTCP Tập đoàn Thép Tiến Lên - Doanh thu thuần tháng 9/2021 của Công ty đạt hơn 283 tỷ đồng, giảm gần 3% so với tháng 8 và là tháng có doanh thu thấp nhất trong 3 tháng quý 3/2021. Dù doanh thu chỉ tăng nhẹ nhưng lãi sau thuế của Công ty lại gấp hơn 8 lần kết quả cùng kỳ, với gần 106 tỷ đồng.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2021, TLH ghi nhận doanh thu thuần gần 3,284 tỷ đồng và lãi sau thuế gần 423 tỷ đồng, lần lượt tăng 15% và gấp hơn 424 lần kết quả 9 tháng đầu năm trước. Với lợi nhuận đạt được, TLH đã vượt kế hoạch đề ra cho cả năm 2021 hơn 69%.

**HHS** - CTCP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy - Thông báo lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc, phát hành hơn 32,96 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2020 theo tỷ lệ 12%. Bên cạnh đó là kế hoạch phát hành hơn 13,73 triệu cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 5%.

**DMC** - CTCP Xuất nhập khẩu Y tế Domesco - Ngày 25/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 26/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 25%, thanh toán bắt đầu từ ngày 10/12/2021.

**TTB** - CTCP Tập đoàn Tiến Bộ - Ngày 5/10, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) đã có quyết định nhắc nhở trên toàn thị trường đối với TTB. Nguyên nhân do, TTB liên tục vi phạm quy định công bố thông tin trên thị trường.

**TNC** - CTCP Cao su Thống Nhất - Ngày 21/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 22/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 05/11/2021.

**AGG** - CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia – Đã thông qua việc phát hành hơn 91 triệu cổ phiếu mới, trong đó, chào bán hơn 82,75 triệu cổ phiếu cho cổ đông theo tỷ lệ 1:1 với giá 10.000 đồng/cổ phiếu và hơn 8,27 triệu cổ phiếu còn lại để trả cổ tức theo tỷ lệ 10%.

**PHC** - CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings – Đã thông qua việc triển khai phát hành hơn 22,87 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, trong đó, chào bán hơn 12,87 triệu cổ phiếu và 10 triệu cổ phiếu chào bán thông qua đấu giá.

**VNF** - CTCP Vinafreight – Đã thông qua việc phát hành hơn 1,25 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2020 theo tỷ lệ 5%. Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2021.

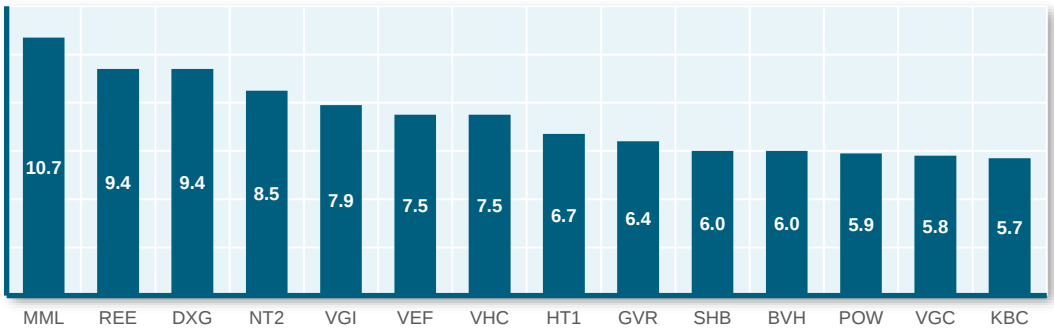


## Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

| Ngân hàng | Tỷ lệ         | Hình thức | Nội dung                                | Vốn tăng lên |
|-----------|---------------|-----------|-----------------------------------------|--------------|
| VCB       | 8%            | Tiền mặt  | Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước | 50,000       |
|           | 27.60%        | Cổ phiếu  |                                         |              |
| CTG       | 29%           | Cổ phiếu  | Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019     | 48,000       |
|           | 12.6% - 17.7% | Cổ phiếu  | Cổ tức năm 2020                         |              |
|           | 5%            | Tiền mặt  | Cổ tức năm 2020                         |              |
| BID       | 5.20%         | Cổ phiếu  | Cổ tức năm 2019                         | 48,524       |
|           | 7%            | Cổ phiếu  | Cổ tức năm 2020                         |              |
| MBB       | 35%           | Cổ phiếu  | Cổ tức năm 2020                         | 38,676       |
| ACB       | 25%           | Cổ phiếu  | Cổ tức năm 2020                         | 27,019       |
| SHB       | 10%           | Cổ phiếu  | Cổ tức năm 2019                         | 26,674       |
|           | 10.50%        | Cổ phiếu  | Cổ tức năm 2020                         |              |
| HDB       | 25%           | Cổ phiếu  | Cổ tức năm 2020                         | 20,111       |
| VIB       | 40%           | Cổ phiếu  | Cổ tức thương                           | 16,000       |
| MSB       | 30%           | Cổ phiếu  | Cổ tức năm 2020                         | 15,275       |
| SSB       | 9.12%         | Cổ phiếu  | Cổ tức năm 2020                         | 14,700       |
| OCB       | 25%           | Cổ phiếu  | Cổ tức năm 2020                         | 14,449       |
| BAB       | 6.30%         | Cổ phiếu  | Cổ tức năm 2020                         | 7,530        |
| NAB       | 10.20%        | Cổ phiếu  | Cổ tức năm 2020                         | 4,564        |
| KLB       | 13%           | Cổ phiếu  | Cổ tức năm 2020                         | 3,653        |
| SGB       | 5%            | Cổ phiếu  | Cổ tức năm 2020                         | 3,234        |



### Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



### Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

| Mã CK | Sàn   | Giá đóng cửa | KLGD        | P/E   | P/B  | KL NN Mua  | KL NN Bán | Vốn hóa (tỷ VND) | Tỷ lệ nắm giữ | EPS   | Book Value |
|-------|-------|--------------|-------------|-------|------|------------|-----------|------------------|---------------|-------|------------|
| VPB   | UPCOM | 62.6         | 8,952,200   | 12.4  | 2.6  | -          | -         | 154,606          | 19.00         | 5,056 | 24,447     |
| VIB   | HOSE  | 34.5         | 1,440,200   | 6.1   | 2.5  | 200        | 19,300    | 53,506           | 20.50         | 5,638 | 13,552     |
| VCB   | UPCOM | 95.6         | 973,700     | 17.3  | 3.4  | 587,000    | 341,200   | 354,569          | 23.56         | 5,532 | 28,293     |
| VBB   | HNX   | 16.5         | 22,164      | 19.9  | 1.4  | -          | -         | 7,882            | 0.01          | 830   | 11,579     |
| VAB   | HOSE  | 17.1         | 304,898     | 14.3  | 1.3  | -          | -         | 7,609            | -             | 1,196 | 13,597     |
| TPB   | HOSE  | 42.5         | 9,289,100   | 9.3   | 2.2  | 27,254,800 | 220,200   | 49,796           | 27.44         | 4,565 | 18,925     |
| TCB   | HOSE  | 49.1         | 5,889,900   | 10.6  | 2.1  | -          | -         | 172,386          | 22.49         | 4,614 | 23,938     |
| STB   | UPCOM | 25.8         | 13,478,800  | 13.4  | 1.5  | 1,299,100  | 287,800   | 48,544           | 15.68         | 1,922 | 16,846     |
| SSB   | HOSE  | 36.0         | 1,861,700   | 20.9  | 2.9  | 24,200     | -         | 48,262           | 0.01          | 1,723 | 12,310     |
| SHB   | HOSE  | 28.9         | 44,003,162  | 13.2  | 2.1  | 3,900      | 34,300    | 55,648           | 3.98          | 2,183 | 14,014     |
| SGB   | HNX   | 17.2         | 38,315      |       | 1.4  | 1,000      | 1,100     | 5,298            | 4.96          | 344   | 12,114     |
| PGB   | HOSE  | 22.4         | 149,518     | 30.3  | 1.7  | -          | -         | 6,720            | 15.00         | 739   | 13,529     |
| OCB   | HNX   | 23.5         | 1,822,900   | 6.2   | 1.3  | -          | 81,000    | 32,192           | 22.00         | 3,799 | 17,827     |
| NVB   | HOSE  | 27.6         | 454,500     | 134.6 | 2.6  | 200        | -         | 11,228           | 8.50          | 205   | 10,726     |
| NAB   | HOSE  | 19.4         | 69,760      | 5.8   | 1.2  | -          | -         | 8,855            | 0.01          | 3,367 | 16,324     |
| MSB   | HOSE  | 28.6         | 5,387,700   | 8.7   | 1.6  | -          | 2,000     | 33,605           | 30.00         | 3,291 | 17,552     |
| MBB   | HOSE  | 27.4         | 9,463,100   | 7.0   | 1.4  | 750,600    | 2,848,700 | 103,526          | 23.22         | 3,897 | 19,986     |
| LPB   | HOSE  | 21.0         | 4,286,900   | 8.1   | 1.5  | 30,800     | 152,700   | 25,275           | 3.68          | 2,591 | 14,466     |
| KLB   | HOSE  | 21.6         | 1,727,254   | 10.6  | 1.5  | -          | 4,600     | 6,910            | 0.01          | 2,035 | 14,117     |
| HDB   | HOSE  | 24.5         | 1,150,700   | 6.4   | 1.4  | 149,400    | 369,700   | 48,809           | 17.83         | 3,854 | 17,399     |
| EIB   | HOSE  | 22.4         | 577,300     | 25.6  | 1.6  | 38,600     | 200       | 27,539           | 29.73         | 874   | 14,061     |
| CTG   | HOSE  | 29.5         | 8,712,300   | 6.7   | 1.2  | 1,030,400  | 837,000   | 141,770          | 24.59         | 4,394 | 25,028     |
| BVB   | HOSE  | 20.3         | 1,743,146   | 17.5  | 1.6  | -          | 5,000     | 7,452            | 0.09          | 1,157 | 12,737     |
| BID   | HOSE  | 39.3         | 730,100     | 15.6  | 1.9  | 103,000    | 52,600    | 158,065          | 16.62         | 2,512 | 21,036     |
| BAB   | HOSE  | 22.1         | 52,400      | 23.3  | 1.8  | -          | -         | 15,658           | (1.89)        | 950   | 12,242     |
| ACB   | HOSE  | 31.5         | 2,912,300   | 6.8   | 2.1  | -          | -         | 85,111           | 30.00         | 4,621 | 14,945     |
| ABB   | HOSE  | 20.6         | 784,574     | 7.4   | 1.2  | -          | -         | 11,769           | 30.00         | 2,801 | 16,671     |
|       |       |              | 126,278,591 | 17.62 | 1.81 | 31,273,200 | 5,257,400 | 1,682,591        |               | 2,766 | 16,602     |



**Lịch trả cổ tức:**

| STT | Mã CK | Sàn   | Ngày GDKHQ ▼ | Ngày ĐKCC  | Ngày thực hiện | Nội dung sự kiện                                                           | Loại Sự kiện             |
|-----|-------|-------|--------------|------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1   | SGC   | HNX   | 18/10/2021   | 19/10/2021 | 3/11/2021      | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP                               | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 2   | E29   | UPCoM | 18/10/2021   | 19/10/2021 | 29/10/2021     | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP                                 | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 3   | VMC   | HNX   | 14/10/2021   | 15/10/2021 | 1/11/2021      | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP                                 | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 4   | NDN   | HNX   | 14/10/2021   | 15/10/2021 | 29/10/2021     | Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP                             | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 5   | GVR   | HOSE  | 13/10/2021   | 14/10/2021 | 28/10/2021     | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP                                 | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 6   | TNP   | UPCoM | 11/10/2021   | 12/10/2021 | 1/11/2021      | Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP                               | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 7   | TVS   | HOSE  | 11/10/2021   | 12/10/2021 |                | Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:74                           | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |
| 8   | TVS   | HOSE  | 11/10/2021   | 12/10/2021 |                | Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:16                                             | Thưởng cổ phiếu          |
| 9   | HCM   | HOSE  | 11/10/2021   | 12/10/2021 |                | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 14,000 đồng/CP | Phát hành thêm           |
| 10  | VMS   | HNX   | 8/10/2021    | 11/10/2021 | 26/10/2021     | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP                               | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 11  | SGN   | HOSE  | 8/10/2021    | 11/10/2021 | 25/10/2021     | Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP                             | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 12  | DNA   | UPCoM | 8/10/2021    | 11/10/2021 |                | Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5                             | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |
| 13  | GKM   | HNX   | 7/10/2021    | 8/10/2021  |                | Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10                            | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |
| 14  | SRC   | HOSE  | 7/10/2021    | 8/10/2021  | 20/10/2021     | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP                               | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 15  | MCP   | HOSE  | 7/10/2021    | 8/10/2021  | 25/10/2021     | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 785 đồng/CP                                 | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 16  | MSB   | HOSE  | 7/10/2021    | 8/10/2021  |                | Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30                            | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |
| 17  | TV4   | HNX   | 6/10/2021    | 7/10/2021  |                | Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12                            | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |
| 18  | DAS   | UPCoM | 6/10/2021    | 7/10/2021  | 22/10/2021     | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP                                 | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 19  | API   | HNX   | 5/10/2021    | 6/10/2021  | 29/10/2021     | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP                                 | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 20  | BPC   | HNX   | 5/10/2021    | 6/10/2021  | 29/10/2021     | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP                                 | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 21  | DVN   | UPCoM | 5/10/2021    | 6/10/2021  | 3/11/2021      | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP                                 | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 22  | TKA   | UPCoM | 5/10/2021    | 6/10/2021  | 14/10/2021     | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP                               | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 23  | HD8   | UPCoM | 4/10/2021    | 5/10/2021  | 21/10/2021     | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP                               | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 24  | SZE   | UPCoM | 4/10/2021    | 5/10/2021  | 19/10/2021     | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP                                 | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 25  | SC5   | HOSE  | 4/10/2021    | 5/10/2021  | 21/10/2021     | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP                               | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 26  | DND   | UPCoM | 1/10/2021    | 4/10/2021  | 25/10/2021     | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,100 đồng/CP                               | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 27  | SVT   | HOSE  | 1/10/2021    | 4/10/2021  | 19/10/2021     | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP                               | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 28  | PPS   | HNX   | 1/10/2021    | 4/10/2021  | 21/10/2021     | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,100 đồng/CP                               | Trả cổ tức bằng tiền mặt |



## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh  
khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931